

Bản án số: 79/2021/DS - ST.
Ngày: 26 - 11 - 2021.
V/v “tranh chấp đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phước.
2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Quách Thị Thu B, sinh năm 1942; địa chỉ: Số 926, đường L, khóm 5, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thanh M, sinh năm 1980; HKTT: Ấp C, xã Tân T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã H, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Phú Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp C, xã Tân Th, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

4. *Người làm chứng:*

Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 829, đường L, khóm 5, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Bà Đỗ Huỳnh N, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 cũng N các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Quách Thị Thu B trình bày:

Nguyên bà có giao tiền châu hụi cho bà Huỳnh Thanh M tổng số tiền 77.300.000 đồng cụ thể các lần N sau:

Ngày 30/4/2019, hụi 5.000.000 đồng, có 20 phần, bà châu dây hụi này với số tiền là 58.000.000 đồng.

- Ngày 14/2/2019, hụi 500.000 đồng, có 30 phần, bà châu dây hụi này với số tiền là 9.650.000 đồng.

- Ngày 14/2/2019, hụi 500.000 đồng, có 30 phần, bà châu dây hụi này với số tiền là 9.650.000 đồng.

Khi bà giao tiền cho bà M, bà không có làm giấy tờ, chỉ có người làm chứng là bà Đỗ Thị N (con gái ruột của bà) và Đỗ Huỳnh N (Cháu của bà) chứng kiến. Bà không biết số tiền 77.300.000 đồng bà M giao cho ai hết, chỉ nghe bà M nói là châu hụi, bà M là người trực tiếp nhận tiền của bà. Ngày 29/11/2019 bà M tuyên bố vỡ hụi, bà đến nhà bà M yêu cầu thanh toán Nng không trả cho bà.

Theo N đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 bà yêu cầu ông Đỗ Phú Q, bà Huỳnh Thanh M phải trả cho bà 79.300.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể bà yêu cầu bà Huỳnh Thanh M phải trả cho bà 77.300.000 đồng, không yêu cầu ông Q cùng có trách nhiệm trả vì ông Q không biết số tiền trên và không sử dụng mục đích trong gia đình.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/4/2020 bà Huỳnh Thanh M trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu của bà Quách Thị Thu B về việc buộc bà Huỳnh Thanh M phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi là 79.300.000 đồng vì bà không có nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà B, nếu bà B cho rằng bà có nhận tiền châu hụi từ bà B thì bà B phải xuất trình chứng cứ, chứng minh.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Phú Q trình bày:

Tại phiên tòa bà Quách Thị Thu B thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông có có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Ông không có biết bà M nhận số tiền 77.300.000 đồng của bà B để làm gì và không sử dụng mục đích chung trong gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 96, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quách Thị Thu B về việc yêu cầu bà Huỳnh Thanh M phải trả cho bà 77.300.000 đồng.

Bà Quách Thị Thu B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 03/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Long Phú Bn hành Quyết định về việc nhập vụ án dân sự số 02/2020/QĐ – ST cụ thể nhập hồ sơ vụ án dân sự số 44/2020/TLST - DS, ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” thành vụ án dân sự thụ lý số: 157/2020/TLST - DS, ngày 03 tháng 7 năm 2019. Đến ngày 18/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Long Phú Bn hành Quyết định tách vụ án số 01/2021/QĐST – DS ngày 18/3/2021 cụ thể tách vụ án dân sự thụ lý số: 157/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 thành nhiều vụ án trong đó có vụ án dân sự thụ lý số 30/2021/TLST - DS, ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” giữa: Nguyên đơn: Bà Quách Thị Thu B, sinh năm 1942; Địa chỉ: Số 926, đường Lý Thường Kiệt, khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bị đơn: Bà Huỳnh Thanh M, sinh năm 1980; HKTT: Ấp Cái Xe, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Ấp Mỹ Lợi A, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang và ông Đỗ Phú Q, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Cái Xe, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo N thông báo thụ lý số 44/TB-TLVA ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 77.300.000 đồng xuất phát từ việc giao tiền châu hội cho bị đơn, nguyên đơn không biết số tiền đó châu cho ai, ở đâu Nng do bị đơn nhận tiền từ nguyên đơn nên yêu cầu bị đơn phải trả. Do đó, theo N Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2021/QĐXXST – DS ngày 06/9/2021 và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “ Tranh chấp đòi lại tài sản” .

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu được thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể: Theo N đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 bà yêu cầu ông Đỗ Phú Q, bà Huỳnh Thanh M phải trả cho bà 79.300.000 đồng. Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà Huỳnh Thanh M phải trả cho bà 77.300.000 đồng, không yêu cầu ông Q cùng có trách nhiệm trả. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện Bn đầu nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác, đối chiếu với khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng trong vụ án này đối với ông Đỗ Phú Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ.

[4] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thanh M mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án N: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy

triệu tập Nng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thanh M.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Huỳnh Thanh M phải trả cho bà số tiền 77.300.000 đồng.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng N tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng khi giao tiền cho bị đơn, nguyên đơn không có giấy tờ hay chứng cứ gì để chứng minh bị đơn có nhận số tiền 77.300.000 đồng của nguyên đơn. Mặt khác, ngày 27/5/2021 Tòa án có ra Thông báo bổ sung tài liệu, chứng cứ số 150/TB-TA ngày 27/5/2021 yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp chứng cứ để chứng minh bị đơn nhận của nguyên đơn số tiền trên. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng là bà Đỗ Thị N và bà Đỗ Huỳnh N. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 17/6/2021 ông bà Đỗ Thị N có khai có chứng kiến việc bà B giao cho bà M 79.300.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa bà Đỗ Huỳnh N cho rằng vào ngày tháng năm nào bà không nhớ, tại nhà bà B có thấy bà B giao tiền cho bà M một lần Nng không biết số tiền Bao nhiêu, tiền gì. Xét lời khai của người làm chứng Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với lời khai của bà N khai trùng khớp với bà B, bà N về địa điểm nhận tiền; tuy nhiên, bà Đỗ Thị N là con ruột của bà B và trước đây bà N có làm đơn khởi kiện yêu cầu bà M, ông Q phải trả tiền hụi cho bà nên lời khai của bà N không đảm bảo tính khách quan, trung thực trong vụ án. Bên cạnh đó, lời khai của bà Đỗ Huỳnh N không biết bà B giao tiền cho bà M là tiền gì, số tiền là Bao nhiêu, ngày tháng năm nào không rõ và chứng kiến giao một lần. Do đó, lời khai của người làm chứng không đủ căn cứ để xác định bà M có nhận 77.300.000 đồng của bà B.

Từ chứng cứ nêu trên đối chiếu với Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 77.300.000 đồng là có căn cứ.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm Nng nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

[7] N đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 96, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Thu B về việc yêu cầu bà Huỳnh Thanh M phải trả cho bà 77.300.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu B trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Quách Thị Thu B phải chịu 3.865.000 đồng (B triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nng bà Quách Thị Thu B, sinh năm 1942 là người cao tuổi và bà Quách Thị Thu B có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. N vậy, bà Quách Thị Thu B được miễn 3.865.000 đồng (B triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS,VP).

Dương Thị Thanh Hoa